

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

PHỤ LỤC I:
BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN
VỚI THÔNG TƯ SỐ 197/2015/TT-BTC

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBCK ngày / / của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010; Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh; Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hành nghề chứng khoán.</p>	<p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP; Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP; Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hành nghề chứng khoán.</p>	<p>Cập nhật căn cứ tại các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành tại thời điểm hiện tại</p>
MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về việc:	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về:	Cập nhật về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>a) Cấp, thu hồi và cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán; b) Đào tạo cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán; c) Quản lý, giám sát người hành nghề chứng khoán tại các tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán. 2. Đối tượng áp dụng: a) Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, tham gia khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và tham gia thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán; b) Người hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán; c) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; d) Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán; các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học liên kết với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán; đ) Các tổ chức và cá nhân liên quan.</p>	<p>a) Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và chứng chỉ tương đương; b) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử; c) Tập huấn kiến thức cho người hành nghề chứng khoán. 2. Đối tượng áp dụng: a) Cá nhân tham gia khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán; b) Người hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán; c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</p>	
<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ 1. <i>Người hành nghề chứng khoán</i> là người được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và đang làm việc tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán. 2. <i>Chứng chỉ hành nghề chứng khoán</i> là văn bằng xác nhận người có tên trong chứng chỉ đáp ứng điều kiện chuyên môn để làm việc tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 3. <i>Chứng chỉ chuyên môn về Chứng khoán</i> là văn bằng do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, xác nhận người có tên trong chứng chỉ đạt yêu cầu trong các cuộc kiểm tra trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 4. <i>Bản sao</i> bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực, bản sao không có chứng thực. Trường hợp tài liệu là bản sao không có chứng thực, người nộp hồ sơ cần xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.</p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ 1. <i>Chứng chỉ hành nghề chứng khoán</i> là văn bản (bản giấy hoặc điện tử) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp để xác nhận người có tên trong chứng chỉ đáp ứng điều kiện chuyên môn để làm việc tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2. <i>Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán</i> là văn bản (bản giấy hoặc điện tử) do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp để xác nhận người có tên trong chứng chỉ đạt yêu cầu trong các cuộc kiểm tra trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 3. <i>Tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán</i> bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt</p>	<p>- Không quy định lại các thuật ngữ đã được quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán. - Cập nhật các thuật ngữ phù hợp với định nghĩa người hành nghề chứng khoán theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019. - Cập nhật hình thức chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thể là bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định tại Nghị định 245 (sửa đổi Nghị định 155). - Cập nhật hình thức chứng chỉ chuyên môn chứng khoán là bản giấy hoặc bản điện tử.</p>

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>5. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đủ giấy tờ, có nội dung được kê khai đúng, đầy đủ theo quy định của Thông tư này.</p> <p>6. Tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư chứng khoán.</p> <p>7. Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng là thời gian làm việc tại các bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức không hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán hoặc tại các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh, tài chính kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán.</p>	<p>Nam và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán.</p>	
<p>MỤC 2. CẤP, THU HỒI VÀ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN</p>	<p>CHƯƠNG II. CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ CHỨNG CHỈ TƯỞNG ĐƯƠNG</p>	<p>Không quy định các nội dung đã được đưa lên quy định tại Luật và Nghị định bao gồm: Cấp, thu hồi và cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán.</p>
<p>Điều 3. Các loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán</p> <p>1. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm các loại sau:</p> <p>a) Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán;</p> <p>b) Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính;</p> <p>c) Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.</p> <p>2. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ có giá trị sử dụng khi người được cấp chứng chỉ làm việc tại một công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và được công ty đó thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp không thời hạn, trừ trường hợp bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Các nội dung này đã được quy định tại Khoản 1, Điều 97 Luật Chứng khoán.</p>
<p>Điều 4. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán</p> <p>1. Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán được cấp cho cá nhân đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc trường hợp đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;</p> <p>b) Có trình độ từ đại học trở lên;</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Các nội dung từ Khoản 1 đến Khoản 3 đã được quy định tại Khoản 2, Điều 97 Luật Chứng khoán.</p> <p>- Đưa nội dung Khoản 4 Điều 4 thông tư 197 thành 01 điều riêng (Điều 4) trong dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197.</p>

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>c) Đạt yêu cầu trong kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp;</p> <p>d) Có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, bao gồm: Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích và đầu tư chứng khoán, chứng chỉ Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.</p> <p>2. Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính được cấp cho cá nhân đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <p>a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Có các chứng chỉ chuyên môn: Chứng chỉ Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.</p> <p>3. Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được cấp cho cá nhân đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <p>a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn Quản lý quỹ và tài sản;</p> <p>c) Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc có một trong các loại chứng chỉ quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst), CIIA (Certified International Investment Analyst), ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants).</p> <p>4. Các trường hợp được miễn chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này:</p> <p>a) Cá nhân có chứng chỉ quốc tế CIIA (Certified International Investment Analyst) hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi quốc tế CFA bậc II (Chartered Financial Analyst level II) trở lên được miễn chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích và đầu tư chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;</p> <p>b) Cá nhân có chứng chỉ quốc tế ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants) hoặc chứng chỉ kiểm toán viên, chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi quốc tế CFA bậc I (Chartered Financial Analyst level I), CIIA bậc I (Certified</p>		

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>International Investment Analyst level I) được miễn chứng chỉ</p> <p>Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;</p> <p>c) Cá nhân có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài được miễn tất cả chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán.</p>		
<p>Điều 5. Hồ sơ, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán</p> <p>1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:</p> <p>a) Giấy đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số I Thông tư này);</p> <p>b) Bản thông tin cá nhân của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được xác nhận bởi tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán hoặc được chứng thực chữ ký bởi tổ chức có thẩm quyền (theo mẫu quy định tại Phụ lục số II Thông tư này) trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;</p> <p>c) Phiếu lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ, kèm theo bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng;</p> <p>d) Bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sỹ, tiến sỹ;</p> <p>đ) Bản sao chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài (nếu có);</p> <p>e) Bản sao các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các văn bằng được miễn chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này;</p> <p>g) Thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thi sát hạch phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp;</p> <p>h) Hai (02) ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;</p> <p>i) Đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, phải bổ sung thêm:</p>	Không quy định	Các nội dung này đã được quy định tại Điều 213 Nghị định 155 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245)

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>- Văn bản xác nhận số năm làm việc, vị trí công tác của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán do các tổ chức nơi người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã từng làm việc hoặc đang làm việc cung cấp; hoặc</p> <p>- Bản sao chứng chỉ quốc tế CFA, CIIA, ACCA, CPA.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được lập thành một (01) bộ nộp trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện. Trường hợp gửi qua đường bưu điện, các tài liệu bản sao phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán không được hoàn lại, kể cả trường hợp không được cấp chứng chỉ. Trường hợp tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài, các tài liệu này phải dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi các tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề là người nước ngoài, những tài liệu thuộc loại văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc xác nhận, phải được hợp pháp hóa lãnh sự trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ.</p> <p>3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.</p> <p>4. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chưa hợp lệ, trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ cho người đề nghị. Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phải hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sau thời hạn trên, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước đó không còn giá trị.</p> <p>5. Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nộp lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán không làm thủ</p>		

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
tục nhận chứng chỉ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định hủy bỏ chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã cấp.		
<p>Điều 6. Thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán</p> <p>1. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán.</p> <p>2. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, người được cấp chứng chỉ phải nộp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	Không quy định	Các nội dung này đã được quy định tại Điều 215 Nghị định 155 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245)
<p>Điều 7. Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán</p> <p>1. Những trường hợp được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:</p> <p>a) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán hoặc bị hỏng, bị mất;</p> <p>b) Thông tin xác nhận nhân thân của người hành nghề ghi trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán thay đổi (như số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu, quốc tịch, họ tên, ngày tháng năm sinh).</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:</p> <p>a) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, trong đó Giấy đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thay thế bởi Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số III Thông tư này).</p> <p>b) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số III Thông tư này); - Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; 	Không quy định	Các nội dung này đã được quy định tại Điều 214 Nghị định 155 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245)

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>- Hai (02) ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;</p> <p>- Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 Thông tư này.</p>		
<p>Điều 8. Lệ phí cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán Người đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán phải nộp lệ phí cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định pháp luật về phí, lệ phí.</p>	Không quy định	Các nội dung này đã được quy định tại Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 155/2015/NĐ-CP
<p>Điều 9. Khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán 1. Các khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm: a) Khóa học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; b) Khóa học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; c) Khóa học Phân tích và đầu tư chứng khoán; d) Khóa học Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán; đ) Khóa học Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán; e) Khóa học Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp; g) Khóa học Quản lý quỹ và tài sản; h) Khóa học Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.</p> <p>2. Các khóa học quy định tại khoản 1 Điều này do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc do các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học liên kết đào tạo với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức.</p> <p>3. Các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán cấp cho học viên trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi đạt yêu cầu trong các cuộc kiểm tra trình độ chuyên môn (bao gồm cả những thí sinh đã hoàn thành khóa học do các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học liên kết đào tạo với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức).</p>	<p>Điều 3. Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán 1. Các khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm: a) Khóa học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; b) Khóa học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; c) Khóa học Phân tích và đầu tư chứng khoán; d) Khóa học Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán; đ) Khóa học Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán; e) Khóa học Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp; g) Khóa học Quản lý quỹ và tài sản; h) Khóa học Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.</p> <p>2. Các khóa học quy định tại khoản 1 Điều này do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc do các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học liên kết đào tạo với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức.</p> <p>3. Các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán cấp cho học viên trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi đạt yêu cầu trong các cuộc kiểm tra trình độ chuyên môn (bao gồm</p>	Biên tập lại nội dung tại khoản 4, theo đó, UBCKNN chỉ phê duyệt chương trình đào tạo, còn giáo trình sẽ do cơ sở đào tạo xây dựng đảm bảo theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn giáo trình và chương trình đào tạo các khóa học quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Những trường hợp được miễn tham gia các khóa học chuyên môn nhưng phải tham gia kiểm tra trình độ để được cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán:</p> <p>a) Cá nhân có bằng cử nhân trở lên thuộc khối kinh tế, được miễn học khóa học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>b) Cá nhân có bằng cử nhân luật trở lên về kinh tế được miễn học khóa học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>cả những thí sinh đã hoàn thành khóa học do các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học liên kết đào tạo với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức).</p> <p>4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt chương trình đào tạo các khóa học quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Những trường hợp được miễn tham gia các khóa học chuyên môn nhưng phải tham gia kiểm tra trình độ để được cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán:</p> <p>a) Cá nhân có bằng cử nhân trở lên thuộc khối kinh tế được miễn học khóa học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>b) Cá nhân có bằng cử nhân luật trở lên về kinh tế được miễn học khóa học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
	<p>Điều 4. Chứng chỉ tương đương chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán</p> <p>1. Chứng chỉ quốc tế CIIA (Certified International Investment Analyst) hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi quốc tế CFA bậc II (Chartered Financial Analyst level II) trở lên tương đương với chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích và đầu tư chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, chứng chỉ Quản lý quỹ và tài sản, chứng chỉ Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;</p> <p>2. Chứng chỉ quốc tế ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants) hoặc chứng chỉ kiểm toán viên, chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi quốc tế CFA bậc I (Chartered Financial Analyst level I), CIIA bậc I (Certified International Investment Analyst level I) tương đương với chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;</p>	<p>- Nội dung này cơ bản kế thừa nội dung tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 197.</p> <p>- Bổ sung việc các chứng chỉ tại khoản 1 được quy đổi tương đương với các chứng chỉ: chứng chỉ Quản lý quỹ và tài sản, chứng chỉ chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Do chương trình đào tạo CIIA và CFA bậc II cơ bản đã bao gồm các nội dung đào tạo chứng chỉ chuyên môn về quản lý quỹ và tài sản, chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.</p>

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
	3. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài tương đương tất cả chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán.	
<p>Điều 10. Tổ chức thi sát hạch</p> <p>1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán định kỳ tối thiểu hai (02) lần trong một (01) năm.</p> <p>2. Nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán gồm hai phần: Phần pháp luật về chứng khoán của Việt Nam và phần chuyên môn. Trường hợp chưa đạt một phần, thí sinh được phép thi lại phần chưa đạt trong vòng một (01) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lần đầu. Quá thời hạn nêu trên, thí sinh phải thi lại cả hai phần.</p> <p>3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế thi, phúc khảo bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với quy định tại Thông tư này.</p>	Không quy định	Các nội dung này đã được đưa lên quy định tại 213 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245).
<p>Điều 11. Điều kiện dự thi sát hạch</p> <p>1. Người dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phải có đủ các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc đã hoàn thành các khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc có các văn bằng được phép miễn chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đăng ký dự thi sát hạch theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.</p> <p>2. Người nước ngoài có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ chuyên môn về thị trường chứng khoán thì chỉ cần thi sát hạch phần pháp luật về chứng khoán của Việt Nam.</p> <p>3. Người dự thi sát hạch phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch theo quy định tại Điều 12 Thông tư này và nộp đủ lệ phí dự thi sát hạch theo quy định.</p>	Không quy định	Các nội dung này đã được đưa lên quy định tại 213 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 245).
<p>Điều 12. Hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch</p> <p>1. Giấy đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số IV Thông tư này).</p>	Không quy định	Nội dung này đã được đưa lên quy định tại Nghị định 245 sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 “Hồ

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>2. Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.</p> <p>3. Hai (02) ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi, hai (02) phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận kết quả thi (đối với trường hợp đăng ký nhận kết quả thi bằng văn bản).</p>		<p><i>“sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại khoản 4 Điều này đồng thời là hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán”</i></p>
<p>Điều 13. Kết quả thi sát hạch</p> <p>1. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt thi sát hạch, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt kết quả thi sát hạch và thông báo trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>2. Kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán có giá trị trong vòng một (01) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi. Đối với trường hợp thí sinh thi sát hạch lại một phần, thời hạn của kết quả thi sát hạch được tính từ thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lại lần cuối.</p>	Không quy định	Nội dung này đã được đưa lên quy định tại Nghị định 245 sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (Điều 213).
<p>MỤC 4. NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN VÀ TỔ CHỨC SỬ DỤNG NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN</p>		Không quy định các nội dung đã được đưa lên quy định tại Luật và Nghị định về trách nhiệm người hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán
<p>Điều 14. Nguyên tắc hành nghề chứng khoán</p> <p>1. Người có Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán được thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.</p> <p>2. Người có Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính được thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.</p> <p>3. Người có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.</p> <p>4. Người có một (01) trong ba (03) loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại Điều 3 Thông tư này và có chứng chỉ chuyên môn Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái</p>	Không quy định	Nội dung này đã được quy định tại Khoản 2 Điều 216 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP)

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>sinh được thực hiện nghiệp vụ liên quan đến chứng khoán phái sinh tại tổ chức kinh doanh chứng khoán.</p> <p>5. Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được làm việc tại một (01) bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trong một (01) thời điểm.</p>		
<p>Điều 15. Trách nhiệm của người hành nghề chứng khoán</p> <p>1. Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc làm thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của một tổ chức mà tổ chức đó sở hữu tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc tiếp nhận vốn đầu tư từ tổ chức kinh doanh chứng khoán, người hành nghề chứng khoán không được:</p> <p>a) Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nơi mình đang làm việc;</p> <p>b) Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;</p> <p>c) Đồng thời làm giám đốc (tổng giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.</p> <p>2. Người hành nghề chứng khoán đang làm việc cho công ty chứng khoán chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính công ty chứng khoán nơi mình làm việc, trừ trường hợp công ty chứng khoán đó không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>3. Người hành nghề chứng khoán không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được công ty chứng khoán ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho công ty chứng khoán bằng văn bản.</p> <p>4. Người hành nghề chứng khoán phải tuân thủ các quy tắc đạo đức hành nghề chứng khoán.</p> <p>5. Người hành nghề chứng khoán phải tham gia các khóa tập huấn về pháp luật, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tổ chức.</p> <p>6. Người hành nghề chứng khoán phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sau khi chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, phát hiện bị mất hoặc thay đổi các thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số V Thông tư này).</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Nội dung này cơ bản đã được đưa lên quy định tại Điều 98 Luật chứng khoán.</p>

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
<p>Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán, người đại diện theo pháp luật của tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán</p> <ol style="list-style-type: none"> Bố trí, sử dụng người hành nghề chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán mà người đó được cấp. Giám sát người hành nghề chứng khoán bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán. Thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng hai (02) ngày làm việc (theo mẫu quy định tại Phụ lục số VI Thông tư này) kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc phát hiện người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, kèm theo bản sao hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng (đối với trường hợp tuyển dụng), quyết định chấm dứt hợp đồng lao động (đối với trường hợp nghỉ việc) hoặc biên bản phát hiện vi phạm của người hành nghề chứng khoán (nếu có). Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán có trách nhiệm ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu vào phụ lục đính kèm chứng chỉ hành nghề chứng khoán ngay sau khi người hành nghề chứng khoán được tiếp nhận làm việc hoặc nghỉ việc tại công ty. Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại công ty của năm trước liền kề (theo mẫu quy định tại Phụ lục số VII Thông tư này). 	Không quy định	Nội dung này đã được quy định tại Khoản 2 Điều 216 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP)

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
	CHƯƠNG III. CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN ĐIỆN TỬ	Quy định tại chương này nhằm đảm bảo cơ sở triển khai chứng chỉ hành nghề điện tử, việc quản lý, sử dụng và chuyển đổi chứng chỉ hành nghề bản giấy sang điện tử.
	<p>Điều 5. Chuyển đổi Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy sang Chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử</p> <p>1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bắt đầu triển khai cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử khi hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức đi vào hoạt động. Kể từ thời gian này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy.</p> <p>2. Khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử, người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán phải có trách nhiệm chuyển đổi từ chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy đã cấp sang chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành hướng dẫn chuyển đổi.</p> <p>Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy hết hiệu lực kể từ khi được chuyển đổi. Người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán có trách nhiệm nộp lại cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã hết hiệu lực.</p> <p>3. Quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy chưa được chuyển đổi không còn giá trị sử dụng.</p> <p>4. Sau thời hạn 3 năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành hướng dẫn chuyển đổi, chứng chỉ hành nghề chứng khoán bản giấy chưa được chuyển đổi sang chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử bị thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán.</p>	<p>Quy định làm rõ nội dung để triển khai các quy định tại Nghị định 245/2025/NĐ-CP. Cụ thể như sau:</p> <p>- Quy định tại điểm đ khoản 73 điều 2 Nghị định 245/2025/NĐ-CP về việc: “<i>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (bản giấy hoặc bản điện tử) cho người có kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đạt..</i>”</p> <p>- Quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định 245/2025/NĐ-CP về việc “<i>Khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai cấp Chứng chỉ hành nghề điện tử, Chứng chỉ hành nghề bản giấy đã cấp trước đó được chuyển đổi sang Chứng chỉ hành nghề điện tử theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chứng chỉ hành nghề bản giấy hết hiệu lực kể từ khi chuyển đổi.</i>”</p>

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
	<p>5. Chứng chỉ hành nghề điện tử, thông tin quá trình hành nghề chứng khoán trên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là căn cứ để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện quản lý, giám sát người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại Điều 216 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.</p> <p>Người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được ghi nhận hành nghề chứng khoán khi hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán xác nhận trạng thái là “người hành nghề chứng khoán”.</p>	
	<p>Điều 6. Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán khi triển khai Chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử</p> <p>1. Người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán có trách nhiệm tuân thủ quy định, hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về quản lý, sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử.</p> <p>2. Người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán có trách nhiệm cập nhật lên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các thông tin thay đổi liên quan đến quá trình hành nghề chứng khoán.</p> <p>3. Tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán có trách nhiệm cập nhật lên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các thông tin thay đổi khi ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.</p> <p>4. Các đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, trung thực của thông tin cung cấp trên hệ thống công nghệ thông tin</p>	<p>Quy định này nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý người hành nghề cũng như chứng chỉ hành nghề điện tử; đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác giám sát người hành nghề chứng khoán (trên cơ sở hệ thống phần mềm quản lý người hành nghề UBCKNN đang xây dựng để tiến hành cấp chứng chỉ hành nghề điện tử).</p>

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
	quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	
	<p>Điều 7. Sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử, tra cứu trạng thái hành nghề chứng khoán</p> <p>1. Người hành nghề chứng khoán có thể trực tiếp xuất trình chứng chỉ hành nghề chứng khoán điện tử thông qua hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>2. Các cá nhân, tổ chức có thể tra cứu trạng thái hành nghề chứng khoán của người hành nghề chứng khoán trên hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	Quy định về việc cá nhân, tổ chức có thể tra cứu thông tin chứng chỉ hành nghề điện tử của người hành nghề để đảm bảo công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của người dân, doanh nghiệp khi tiếp cận các dịch vụ chứng khoán.
	<p>CHƯƠNG IV. TẬP HUẤN KIẾN THỨC CHO NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN</p>	Nội dung nhằm triển khai các quy định tại Khoản 3 Điều 98 Luật Chứng khoán 2019 “ <i>Người hành nghề chứng khoán phải tham gia các khóa tập huấn về pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tổ chức</i> ”
	<p>Điều 8. Tập huấn kiến thức</p> <p>1. Người hành nghề chứng khoán phải tham gia tập huấn kiến thức hàng năm (thời gian được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm).</p> <p>2. Người hành nghề chứng khoán không bắt buộc phải tham gia tập huấn kiến thức trong năm được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.</p>	
	<p>Điều 9. Nội dung, tài liệu tập huấn kiến thức</p> <p>1. Nội dung tập huấn kiến thức: pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới.</p>	

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
	<p>Trên cơ sở nội dung tập huấn kiến thức, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành khung chương trình tập huấn kiến thức trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Khung chương trình có thể được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>2. Tài liệu tập huấn kiến thức</p> <p>a) Tài liệu tập huấn kiến thức do các đơn vị tổ chức tập huấn xây dựng dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử.</p> <p>b) Tài liệu tập huấn kiến thức phải phù hợp với khung chương trình quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	
	<p>Điều 10. Tổ chức tập huấn kiến thức</p> <p>1. Đơn vị tổ chức tập huấn kiến thức: Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ trì, phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>2. Người hành nghề đăng ký tham gia tập huấn kiến thức tại các lớp tập huấn kiến thức theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.</p> <p>3. Thời lượng các lớp tập huấn kiến thức được xây dựng phù hợp với nội dung, tài liệu tập huấn kiến thức và đối tượng tham dự tập huấn, đảm bảo thời lượng tập huấn kiến thức tối thiểu 08 giờ trong một năm.</p> <p>4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế tổ chức tập huấn kiến thức hành nghề chứng khoán.</p>	
	<p>Điều 11. Trường hợp không hoàn thành yêu cầu tham gia tập huấn kiến thức</p> <p>Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công khai danh sách người hành nghề chứng khoán không hoàn thành yêu cầu tham gia tập huấn kiến thức của năm trước đó trên cổng thông tin điện tử và hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	
Điều 17. Xử lý vi phạm	Không quy định	Nội dung này đã được quy định tại Nghị định 156 về việc xử lý vi phạm hành chính

Thông tư 197/2015/TT-BTC	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 197/2015/TT-BTC	Tổng hợp nội dung thuyết minh
Người hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định tại Thông tư này sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.		trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
MỤC 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	CHƯƠNG V. HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	Cập nhật nội dung để đảm bảo tính khái quát theo quy định của Chương
<p>Điều 18. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2016 và thay thế Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán và Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hành nghề chứng khoán được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết./.</p>	<p>Điều 12. Hiệu lực thi hành và Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán.</p> <p>2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế quản lý sử dụng hệ thống công nghệ thông tin quản lý người hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phù hợp với quy định tại Thông tư này về việc quản lý, sử dụng chứng chỉ hành nghề điện tử, tra cứu trạng thái hành nghề chứng khoán.</p> <p>3. Việc tổ chức tập huấn kiến thức cho người hành nghề chứng khoán theo quy định tại Chương IV Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01/07/2026.</p> <p>4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> <p>5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.</p>	Cập nhật một số quy định về việc tổ chức thực hiện Thông tư